TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG
Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2021
V/v tranh chấp ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Thảo

2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh.

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2020/TLST-HN ngày 20 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HN ngày 22 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-HN ngày 08 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp TH, xã HT, huyện T, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt).

2.*Bị đơn*: Anh **Phạm Hoàng A**, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp THP, xã THT, huyện TP, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2001, chị và anh A được sự chấp thuận của hai bên gia đình anh chị tổ chức lễ cưới sống chung với nhau đến năm 2004 có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã THT, huyện TP, tỉnh Tiền Giang cấp

giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 16-7-2004. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì vợ chồng có mâu thuẫn nhau, nguyên nhân mâu thuẫn do anh A thường xuyên bạo lực gia đình, đánh chị nhiều lần. Đến giữa năm 2019, chị đã bỏ nhà đi làm và sống ly thân với anh A cho đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Hoàng A.

Về nuôi con chung: Quá trình sống chung, anh chị có một con chung Phạm Thị Cẩm T, sinh ngày 06-6-2001. Hiện nay, con chung đã thành niên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

***Bị đơn Phạm Hoàng A:**

Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ anh A nhưng anh A vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L tranh chấp yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Phạm Hoàng A, địa chỉ: ấp THP, xã THT, huyện TP, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn xin vắng mặt. Bị đơn anh Phạm Hoàng A được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Hoàng A sống chung năm 2001 đến năm 2004 đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã THT, huyện TP, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn; quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh A là hôn nhân hợp pháp. Xét tình cảm giữa anh chi sống chung hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L là do chị và anh A bất đồng quan điểm sống, anh A thường đánh chị; đến giữa năm 2019 chị không còn sống chung với anh A cho đến nay. Thời gian ly thân, chị và anh A không còn liên lạc để hàn gắn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải để anh chị hàn gắn đoàn tụ nhưng anh A không đến tham dự cũng không có ý kiến đối với yêu cầu của chị L, nay chị L xin ly hôn do không còn tình cảm với anh A, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L.

[4] Về nuôi con chung: Quá trình sống chung, anh chị có một con chung Phạm Thị Cẩm T, sinh ngày 06-6-2001. Hiện nay con chung đã thành niên chị L không yêu cầu giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí HNST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Hoàng A.

2.Về nuôi con chung: Không xem xét.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4.Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đồng án phí HNST được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 20686 ngày 13-10-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị L đã nộp đủ án phí HNST.

5.Quyền kháng cáo: Chị L, anh A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Tiền Giang;
-VKSND huyện Tân Phước;
-Chi cục THADS huyện Tân Phước;
-Các đương sự;
-UBND xã THT, huyện TP;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Thuyền